TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 112/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 19/4/2024
"V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*:* Bà **Đoàn Thị Hương Nhu.**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Mai Thị Thảo**.

Bà **Đỗ Thị Thanh**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Vũ Thị Huyền -** Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Tưởng** - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 78/2024/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2024, về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 89/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2024, giữa:

1. Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị N,** sinh năm 1992;

Địa chỉ: Thôn N, xã B, huyện B, tỉnh Hải Dương; nơi cư trú hiện nay: Đài Loan.

Người được chị N ủy quyền về việc giao, nhận văn bản: Anh **Nguyễn Ngọc T**, sinh năm 1992; địa chỉ: A đường N, phường C, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

2. Bị đơn: Anh **Trần Văn C**, sinh năm 1987;

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn N, xã B, huyện B, tỉnh Hải Dương; nơi cư trú hiện tại: Ma Cao.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông **Trần Văn M**, sinh năm 1960; địa chỉ cư trú: Thôn N, xã B, huyện B, tỉnh Hải Dương.

(Các đương sự vắng mặt và đều đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị N trình bày: Chị và anh Trần Văn C kết hôn trên cơ

sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại xã B, huyện B, tỉnh Hải Dương ngày 13/3/2013. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau tại gia đình nhà chồng được một thời gian ngắn thì cuối năm 2013 anh C đi lao động tại Đài Loan, năm 2015 chị cũng sang Đài Loan nhưng do điều kiện công việc nên anh chị không sống cùng nhau. Năm 2019, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do sống xa cách nên cả hai cùng nghi ngờ tình cảm của nhau, anh C ghen tuông nên thường xuyên kiếm cớ cãi nhau, đầu năm 2023 anh C chuyển sang Ma Cao lao động. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2013 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Trần Văn C.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Trần Thị Quỳnh A, sinh ngày 03/01/2014, hiện đang ở với ông nội là Trần Văn M. Do con ở với ông bà nội từ nhỏ nên chị đề nghị Tòa án giao con Trần Thị Quỳnh A cho anh C tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng để ổn định cuộc sống của con. Chị tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con là 1.500.000đ/tháng cho đến khi con tròn 18 tuổi. Trong thời gian anh C không có mặt ở Việt Nam, chị nhất trí giao con Trần Thị Quỳnh A cho ông Trần Văn M chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi anh C về nước.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị N xác định vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Hiện chị N đang lao động tại Đài Loan nên chị ủy quyền cho anh Nguyễn Ngọc T thay chị giao, nhận các văn bản, tài liệu tại Tòa án, đồng thời chị đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Do chị N không cung cấp được địa chỉ cụ thể của anh C nên Tòa án đã tiến hành xác minh tại gia đình anh C. Ông Trần Văn M (là bố đẻ anh C) trình bày: Ông không biết địa chỉ cụ thể của anh C ở nước ngoài nên không cung cấp cho Tòa án được. Tuy nhiên anh C vẫn liên lạc với gia đình qua điện thoại. Ông đồng ý nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và đã thông báo cho anh C biết. Anh C xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị N có đơn xin ly hôn, anh hoàn toàn nhất trí. Anh xác định vợ chồng có 01 con chung như chị N trình bày là đúng, anh đề nghị được chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Trần Thị Quỳnh A và nhất trí việc chị N tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con là 1.500.000đ/tháng cho đến khi con thành niên (tròn 18 tuổi). Trong thời gian không có mặt tại Việt Nam, anh ủy quyền cho bố đẻ là ông Trần Văn M thay anh chăm sóc con Trần Thị Quỳnh A cho đến khi anh về nước. Anh xác định vợ chồng không có tài sản chung, cũng như không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết và anh đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Ông Trần Văn M nhất trí có trách nhiệm chăm sóc cháu Trần Thị Quỳnh A cho đến khi anh C về nước và không yêu cầu cấp dưỡng tiền nuôi cháu Trần Thị Quỳnh A.

Người được chị N ủy quyền về việc giao, nhận văn bản tố tụng tại Tòa án - anh Nguyễn Ngọc T trình bày: Anh nhất trí nhận ủy quyền của chị N, sau khi nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án, anh đã thông báo cho chị N biết, chị N vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày.

Con chung của chị N, anh C là cháu Trần Thị Quỳnh A có nguyện vọng được ở với anh C và ông Trần Văn M.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án; về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị N ly hôn anh Trần Văn C; về con chung: Giao con chung Trần Thị Quỳnh A cho anh C chăm sóc, nuôi dưỡng; chấp nhận sự tự nguyện của chị N cấp dưỡng tiền nuôi con chung là 1.500.000đ/tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi; tạm giao con Trần Thị Quỳnh A cho ông Trần Văn M chăm sóc, nuôi dưỡng trong thời gian anh C không có mặt tại Việt Nam. Chị N phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra công khai tại phiên toà và xem xét ý kiến của các đương sự, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị N và bị đơn anh Trần Văn C có nơi cư trú trước khi xuất cảnh tại thôn N, xã B, huyện B, tỉnh Hải Dương. Hiện chị N đang lao động, sinh sống tại Đài Loan, anh C đang lao động, sinh sống tại Ma Cao. Do vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương. Mặc dù chị N không có mặt ở Việt Nam nhưng chị đã gửi đơn xin ly hôn và ủy quyền cho anh Nguyễn Ngọc T nộp đơn đến Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương. Đơn của chị đã được phòng Tư pháp huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình chứng thực. Do vậy, có đủ cơ sở khẳng định quan điểm ly hôn của chị là hoàn toàn tự nguyện. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị N không cung cấp được địa chỉ cụ thể của anh C. Tòa án đã nhiều lần yêu cầu gia đình anh C cung cấp địa chỉ nhưng gia đình không cung cấp được. Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng cho ông M là bố đẻ anh C để thông báo về việc Tòa án đang giải quyết vụ án ly hôn giữa chị N và anh C đồng thời tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Ông M vẫn liên lạc với anh C và đã thông báo việc Tòa án đang giải quyết vụ án ly hôn giữa chị N và anh C. Tại phiên tòa các đương sự vắng mặt và đều có quan điểm đề nghị xét xử vắng mặt. Do vậy, căn cứ khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N và anh Trần Văn C kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại xã B, huyện B, tỉnh Hải Dương ngày 13/3/2013 là hôn nhân hợp pháp. Căn cứ lời khai của các đương sự, có cơ sở xác định trong quá trình chung sống, chị N và anh C đã phát sinh nhiều mâu

thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do anh chị sống xa cách nhau nên không có sự tin tưởng nhau, thường, nghi ngờ người kia không chung thủy và hay xảy ra cãi nhau. Năm 2023 anh C đi lao động tại Ma Cao, vợ chồng sống ly thân từ năm 2013 cho đến, nay không ai quan tâm đến ai. Mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình khuyên bảo, hòa giải nhưng không có kết quả. Nay chị N có đơn xin ly hôn, anh C cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn nên nhất trí ly hôn. Hội đồng xét xử thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị N và anh C đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, do vậy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử cho chị N ly hôn anh C.

[2.2] Về quan hệ con chung: Con chung của chị N và anh C là cháu Trần Thị Quỳnh A, sinh ngày 03/01/2014, hiện đang ở với ông nội là Trần Văn M. Chị N và anh C thống nhất giao con chung cho anh C chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con thành niên (tròn 18 tuổi), chị N tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con chung là 1.500.000đ/tháng, thời gian cấp dưỡng từ tháng 5/2024 cho đến khi con thành niên (tròn 18 tuổi). Con chung Trần Thị Quỳnh A có nguyện vọng được ở với anh C và ông M. Anh C ủy quyền cho ông M chăm sóc con chung cho đến khi anh về nước. Hội đồng xét xử xét thấy, thỏa thuận của các đương sự phù hợp với thực tế, phù hợp với nguyện vọng của con và quy định của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Do vậy, cần chấp nhận thỏa thuận của anh chị giao con chung cho anh C chăm sóc, nuôi dưỡng, chấp nhận sự tự nguyện của chị N cấp dưỡng tiền nuôi con 1.500.000đ/tháng, từ tháng 5/2024 cho đến khi con tròn 18 tuổi. Tạm giao con Trần Thị Quỳnh A cho ông M chăm sóc cho đến khi anh C về nước.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung*:* Chị N, anh C cùng xác định vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị N, xử cho chị Nguyễn Thị N ly hôn anh Trần Văn C.

2. Về quan hệ con chung: Giao cho anh Trần Văn C tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là Trần Thị Quỳnh A, sinh ngày 03/01/2014 cho đến khi con thành niên (đủ 18 tuổi). Chấp nhận sự tự nguyện của chị N cấp dưỡng tiền nuôi con chung là 1.500.000đ/tháng kể từ tháng 5/2024 cho đến khi con đủ 18 tuổi. Tạm giao cháu Trần Thị Quỳnh A cho ông Trần Văn M chăm

sóc cho đến khi anh C về nước.

Chị Nguyễn Thị N có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

Kể từ khi anh C có đơn yêu cầu thi hành án về khoản tiền cấp dưỡng nuôi con mà chị N không thi hành khoản tiền trên thì phải chịu lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất chậm trả do các bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự. Nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được đối trừ 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí, theo biên lai thu số 0000467 ngày 21 tháng 02 năm 2024 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương (do anh Nguyễn Ngọc T nộp thay). Chị N còn phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự về cấp dưỡng nuôi con.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị N và anh Trần Văn C được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày, ông Trần Văn M được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- *VKSND tỉnh Hải Dương;*
- *Các đương sự;*
- *Cục THADS tỉnh Hải Dương;*
- *UBND xã Bình Minh, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương;*
- *Lưu hồ sơ, VP, Tòa GĐ&NCTN.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đoàn Thị Hương Nhu